TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lưu Thị Hừng

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Ông Chau Khon Sốc.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị P, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Đường N, tổ C, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang;

2. Bị đơn: Lương Tấn B, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Đường N, tổ C, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 12/01/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị P trình bày:

Bà P và ông B có thời gian quen biết tìm hiểu nhau trước, tự nguyện về chung sống từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống,

thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông B không lo làm ăn mà tham gia cờ bạc gây nợ nần tiêu phá tài sản của gia đình dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng thường xuyên cãi nhau. Hiện nay tình cảm không còn bà P yêu cầu ly hôn với ông B. Về con chung có 02 con chung tên Lương Văn T sinh năm 1991 và Lương Tấn Đ sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Lương Tấn B trình bày: Về quá trình quen biết và thời gian chung sống, thống nhất theo lời trình bày của bà P, quá trình chung sống từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhặt, do bất đồng quan điểm sống, ông B thừa nhận có gây nợ nần tiêu phá tài sản gia đình nhưng đã không tiếp tục gây nợ, xác định vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P. Về con chung có 02 con chung tên Lương Văn T sinh năm 1991 và Lương Tấn Đ sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn không được xem là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn trong đời sống chung bà P xin ly hôn, ông B không đồng ý ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà P và ông B là vợ chồng.

Về con chung bà P và ông B có 02 con chung tên Lương Văn T sinh năm 1991 và Lương Tấn Đ sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12 tháng 01 năm 2024 bà Trần Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lương Tấn B, ông B cư trú tại khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà P và ông B chung sống từ năm 1990 có đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên không có giá trị pháp lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà P và ông B chung sống như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn trong đời sống chung tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, chung sống không hạnh phúc, bà P xác định không còn tình cảm không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ chung sống như vợ chồng, bà yêu cầu được ly hôn nhưng ông B không đồng ý ly hôn xác định còn tình cảm với bà P xin được đoàn tụ. Xét về nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà P và ông B thường xuyên cãi nhau, phù hợp với kết quả xác minh ngày 11/3/2024, mẫu thuẫn này dù chưa đến mức trầm trọng không thể kéo dài, vẫn còn có thể hàn gắn được nhưng do quan hệ chung sống như vợ chồng giữa bà P và ông B không có đăng ký kết hôn, không có giá trị pháp lý nên cần căn cứ vào Điều 9, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị P và ông Lương Tấn B.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lương Văn T sinh năm 1991 và Lương Tấn Đ sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị P và ông Lương Tấn B.

Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012212 ngày 15/01/2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Trần Thị P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng